Câu hỏi thường gặp (FAQs) - Bài học M01-L01: Chọn khu vực, charter và baseline

1. Giới thiệu tổng quan về Bài học M01-L01

Bài học M01-L01 là bước khởi đầu mang tính quyết định trong lộ trình triển khai *CORE-6S*. Mục đích của bài học là thiết lập nền móng vận hành thông qua việc xác định *pilot area* (khu vực thí điểm), xây dựng *charter* dự án và thực hiện đo lường *baseline* (trạng thái nền tảng). Đây là giai đoạn chuyển đổi từ lý thuyết sang thực thi tại hiện trường, yêu cầu tính chính xác tuyệt đối trong việc thiết lập các tiêu chuẩn đo lường ban đầu để làm căn cứ đánh giá hiệu quả cho toàn bộ lộ trình.

2. Nhóm câu hỏi về Charter và Boundary Map

Câu hỏi: Yêu cầu quy chuẩn về định dạng và nội dung của một *charter* là gì?

Trả lời: Yêu cầu bắt buộc: *charter* phải được trình bày gói gọn trong đúng 01 trang giấy. Nội dung phải súc tích, phản ánh rõ cam kết và mục tiêu triển khai dự án. Mọi hình thức trình bày dàn trải hoặc thiếu thông tin cốt lõi sẽ không được phê duyệt.

Câu hỏi: Tại sao phải thiết lập *boundary map* trong giai đoạn này?

Trả lời: *boundary map* (bản đồ ranh giới) là công cụ bắt buộc để xác định rõ ràng phạm vi vật lý và giới hạn thực thi của *pilot area*. Việc xác định ranh giới giúp khoanh vùng các hoạt động *baseline*, tránh tình trạng chồng chéo trách nhiệm và đảm bảo tính tập trung cho các bước cải tiến tiếp theo. Nếu không có *boundary map*, việc đo lường *baseline* sẽ bị coi là không hợp lệ do thiếu căn cứ về phạm vi.

3. Nhóm câu hỏi về Baseline và Bảo mật dữ liệu

Câu hỏi: Quy định về việc chụp ảnh/quay phim *baseline* để đảm bảo an toàn dữ liệu?

Trả lời: Khi thực hiện chụp ảnh hoặc quay phim làm bằng chứng *baseline*, học viên phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc: "Chụp *baseline* không lộ dữ liệu nhạy cảm". Tuyệt đối không để hình ảnh chứa các tài liệu mật, thông số kỹ thuật nội bộ, thông tin khách hàng hoặc các dữ liệu định danh nhạy cảm của tổ chức.

Câu hỏi: Hậu quả của việc nộp bằng chứng vi phạm quy định bảo mật là gì?

Trả lời: Mọi hồ sơ vi phạm quy định về an toàn dữ liệu hoặc chứa thông tin nhạy cảm sẽ ngay lập tức bị đặt trạng thái **QA_FAILED**. Artifact (vật chứng) vi phạm sẽ bị loại bỏ và học viên phải thực hiện lại toàn bộ quy trình từ đầu.

Bảng tóm tắt các bằng chứng (Evidence) cần nộp cho bài học M01-L01:

| Loại bằng chứng (*Evidence*) | Yêu cầu kỹ thuật |

| :--- | :--- |

| ***charter*** | Trình bày chuẩn hóa trên 01 trang giấy. |

| ***boundary map*** | Xác định rõ ranh giới vật lý của *pilot area*. |

| ***baseline* checklist** | Bảng kiểm ghi nhận hiện trạng thực tế trước khi cải tiến. |

4. Nhóm câu hỏi về Vai trò và Phân công (Owner)

Câu hỏi: Việc phân công trách nhiệm tại khu vực thực thi được quy định như thế nào?

Trả lời: Mỗi *pilot area* phải xác định một *owner* (người chịu trách nhiệm chính) và các *safety owner* tương ứng để kiểm soát an toàn. *owner* là người trực tiếp điều phối, duy trì các tiêu chuẩn và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các bằng chứng nộp lên hệ thống. Việc thiếu nhân sự chịu trách nhiệm cụ thể sẽ dẫn đến việc đình chỉ Gate review của bài học.

5. Quy trình Phản hồi và Bước tiếp theo

Câu hỏi: Làm thế nào để biết các bằng chứng đã đạt yêu cầu?

Trả lời: Tất cả *evidence* sau khi nộp sẽ trải qua quy trình *Facilitator review* (Chuyên gia điều phối đánh giá). Đây là chốt chặn kiểm soát chất lượng (Gatekeeper). Chỉ khi nhận được đánh giá "Pass", học viên mới đủ điều kiện chuyển sang bước tiếp theo.

Câu hỏi: Lộ trình thực hiện sau khi hoàn thành M01-L01 là gì?

Trả lời: Sau khi hoàn tất các yêu cầu của M01-L01, học viên sẽ tiến hành bài học **M01-L02 — Sort và Set in order**. Hoạt động trọng tâm ngay sau đó là thực hiện *red-tag walk* (đi hiện trường nhận diện bất thường và dán thẻ đỏ).

6. Hướng dẫn tuân thủ Thuật ngữ và An toàn (Terminology Compliance)

Để đảm bảo hồ sơ không bị đánh lỗi hệ thống (**QA_FAILED_TERMINOLOGY_ERRORS**), học viên bắt buộc phải sử dụng các thuật ngữ chuẩn và tuyệt đối tránh các lỗi nhận diện sai trong bảng sau:

| Thuật ngữ chuẩn (Bắt buộc dùng) | Lỗi nhận diện sai (Cấm sử dụng) |

| :--- | :--- |

| *CICC CORE*, *CORE-6S*, *Sort*, *Set in order* | Coir, Coir 6S, so and set, 6 trạng, CO6S, CSCC |

| *Shine*, *Standardize*, *Sustain*, *Safety* | lột xác, dạch doi, chút ha, khách an toàn |

| *red-tag*, *charter*, *baseline*, *visual control* | Red Talk, red tech, rán thẻ, rán thể đỏ, niên tạng |

| *audit*, *evidence pack*, *capstone*, *pilot area* | Modun, cột móc, tông ra, bao dream map |

| *safety owner*, *cleaning standard*, *abnormality log* | ông nờ, ghét băng trứng, setting order, CAC platform |

Lưu ý: Không tự ý dịch các thuật ngữ tiếng Anh đã được chỉ định sang tiếng Việt hoặc sử dụng các từ có âm đọc tương tự.

© CiCC Platform ecosystem — Nội dung và tài sản trí tuệ thuộc hệ sinh thái CiCC Platform.